

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 809/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-BNN-LN ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang tại Tờ trình số 98/TTr-SNN-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Có danh mục TTHC, quy trình liên thông và quy trình nội bộ kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

## Phần I.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

**1. Danh mục TTHC mới ban hành**

| TT       | Mã TTHC                             | Tên TTHC                                                                          | Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời hạn giải quyết theo thực tế tại tỉnh  | Cách thức thực hiện                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                       |
|----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)      | (2)                                 | (3)                                                                               | (4)                                              | (5)                                        | (6)                                                               | (7)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | (8)         | (9)                                                                                                   |
| <b>A</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |                                                                                   |                                                  |                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Lâm nghiệp</b>         |                                                                                   |                                                  |                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                                                                                                       |
| 1        | 1.012531                            | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.       | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc Qua DVC trực tuyến một phần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp huyện.</li> <li>- Qua Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<a href="https://dichvucong.hagiang.gov.vn">https://dichvucong.hagiang.gov.vn</a>)</li> </ul> | Không       | Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. |

|   |                                                                               |                        |                                        |    |
|---|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|----|
| 3 | Dự thảo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh                                    | Bản chính văn bản giấy | Bản Word                               | 01 |
| 4 | Hồ sơ đã tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC huyện, thành phố | Bản sao                | Văn bản điện tử được ký số hoặc số hóa | 01 |

**Bước 2:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét ban hành Quyết định hỗ trợ tín dụng và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày.

*Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính và liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

*Thành phần hồ sơ:*

| STT | Tên kết quả TTHC                                     | Tiêu chuẩn hồ sơ          |                            | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|----------|
|     |                                                      | Trả qua dịch vụ bưu chính | Trả trực tuyến             |          |
| 1   | Quyết định hỗ trợ tín dụng của Ủy ban nhân dân tỉnh. | Bản chính văn bản giấy    | Văn bản điện tử được ký số | 01       |

**Bước 3:** UBND huyện trả kết quả cho chủ rừng: 01 ngày làm việc.

*Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc Qua dịch vụ công trực tuyến.

*Địa điểm gửi kết quả:* Qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh.

*Kết quả giải quyết:*

| STT | Tên kết quả TTHC                                     | Tiêu chuẩn kết quả        |                            | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|----------|
|     |                                                      | Trả qua dịch vụ bưu chính | Trả trực tuyến             |          |
| 1   | Quyết định hỗ trợ tín dụng của Ủy ban nhân dân tỉnh. | Bản chính văn bản giấy    | Văn bản điện tử được ký số | 01       |

**Phần III.**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC**

**1. Các TTHC áp dụng quy trình 15 ngày**

| STT | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                 |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.007918 | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư           |
| 2   | 1.007919 | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư. |

**\* Nội dung quy trình:**

**a) Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư**

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc cụ thể                                                          | Đơn vị/ người thực hiện                                                                     | Thời gian thực hiện (ngày) | Cơ quan phối hợp (nếu có) |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| <b>Bước 1</b>    | Tiếp nhận hồ sơ                                                                    | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày                   |                           |
| <b>Bước 2</b>    | Thẩm định hồ sơ                                                                    | Công chức Phòng sử dụng rừng, Chi cục Kiểm lâm                                              | 9,5 ngày                   |                           |
| <b>Bước 3</b>    | Báo cáo Giám đốc Sở kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Thông báo kết quả thẩm định | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                   | 2 ngày                     |                           |
| <b>Bước 4</b>    | Phê duyệt kết quả                                                                  | Sở Nông nghiệp và PTNT                                                                      | 2 ngày                     |                           |
| <b>Bước 5</b>    | Phát hành kết quả                                                                  | Văn thư                                                                                     | 0,5 ngày                   |                           |
| <b>Bước 6</b>    | Trả kết quả                                                                        | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | 0,5 ngày                   |                           |

b) Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc cụ thể                                | Đơn vị/ người thực hiện                                               | Thời gian thực hiện (ngày) | Cơ quan phối hợp (nếu có) |
|------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| <b>Bước 1</b>    | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Công chức trực Bộ phận một cửa UBND huyện                             | 0,5 ngày                   |                           |
| <b>Bước 2</b>    | Thẩm định hồ sơ                                          | Công chức Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc công chức Hạt kiểm lâm huyện | 11,5 ngày                  |                           |
| <b>Bước 3</b>    | Báo cáo kết quả thẩm định và Thông báo kết quả thẩm định | Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Hạt kiểm lâm huyện                     | 2 ngày                     |                           |
| <b>Bước 4</b>    | Phát hành kết quả                                        | Văn thư                                                               | 0,5 ngày                   |                           |
| <b>Bước 5</b>    | Trả kết quả                                              | Công chức trực Bộ phận một cửa UBND huyện                             | 0,5 ngày                   |                           |

## 2. Các TTHC áp dụng quy trình 20 ngày

| STT | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                            |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.012531 | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân |

### \* Nội dung quy trình:

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc cụ thể                    | Đơn vị/ người thực hiện                                      | Thời gian thực hiện (ngày) | Cơ quan phối hợp (nếu có)                                                          |
|------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bước 1</b>    | Tiếp nhận hồ sơ                              | Công chức trực Bộ phận một cửa UBND huyện                    | 0,5 ngày                   |                                                                                    |
| <b>Bước 2</b>    | Xác minh hồ sơ                               | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế | 12 ngày                    | Hạt Kiểm lâm, Phòng Kế hoạch - Tài chính, UBND xã và các cơ quan có liên quan khác |
| <b>Bước 3</b>    | Báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả xác minh | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế | 1 ngày                     |                                                                                    |

|               |                            |                                           |          |  |
|---------------|----------------------------|-------------------------------------------|----------|--|
| <b>Bước 4</b> | Trình UBND tỉnh quyết định | Chủ tịch UBND huyện                       | 1 ngày   |  |
| <b>Bước 5</b> | Phê duyệt kết quả          | UBND tỉnh                                 | 4,5 ngày |  |
| <b>Bước 6</b> | Phát hành kết quả          | Văn thư UBND tỉnh                         | 0,5 ngày |  |
| <b>Bước 7</b> | Trả kết quả                | Công chức trực Bộ phận một cửa UBND huyện | 0,5 ngày |  |